

Số: /KH-UBND

Tam Đường, ngày tháng 3 năm 2022

KẾ HOẠCH

Thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 huyện Tam Đường

Thực hiện Kế hoạch số 570/KH-UBND ngày 01 tháng 3 năm 2022 của UBND tỉnh Lai Châu về xây dựng kế hoạch trung hạn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025. Ủy ban nhân dân huyện xây dựng Kế hoạch với các nội dung cụ thể như sau:

Phần thứ nhất

SỰ CẦN THIẾT, CĂN CỨ XÂY DỰNG KẾ HOẠCH

I. SỰ CẦN THIẾT

Tam Đường là huyện vùng cao của tỉnh Lai Châu, có tổng số tỷ lệ hộ nghèo và cận nghèo chiếm gần 40% so với tổng số hộ dân, hộ đồng bào dân tộc thiểu số chiếm trên 98%, có 04/13 xã và 87 bản đặc biệt khó khăn. Để thực hiện mục tiêu Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XX, nhiệm kỳ 2020-2025 về giảm tỷ lệ hộ nghèo bình quân mỗi năm là 3%. Xây dựng kế hoạch là cơ sở pháp lý cho công tác chỉ đạo, điều hành từ huyện đến cơ sở, bảo đảm việc công khai, minh bạch và thống nhất về hệ thống tiêu chí đánh giá, là căn cứ để xác định đối tượng, địa bàn cần ưu tiên, tập trung nguồn lực đầu tư công nhằm phát triển cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội, nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân phù hợp với mục tiêu, nội dung của Chương trình giảm nghèo.

II. CĂN CỨ XÂY DỰNG KẾ HOẠCH

- Quyết định số 90/QĐ-TTg ngày 18/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025;

- Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện Tam Đường lần thứ XX, nhiệm kỳ 2020-2025.

- Nghị quyết số 45/NQ-HĐND ngày 17/12/2020 của HĐND huyện Tam Đường về kế hoạch phát triển kinh tế xã hội 5 năm, giai đoạn 2021-2025.

III. ĐỐI TƯỢNG, PHẠM VI, THỜI GIAN THỰC HIỆN

1. Đối tượng

- Hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo (trong vòng 36 tháng, kể từ thời điểm hộ được cấp có thẩm quyền công nhận thoát nghèo). Ưu tiên hỗ trợ hộ nghèo dân tộc thiểu số, hộ nghèo có thành viên là người có công với cách mạng; trẻ em, người khuyết tật, phụ nữ thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo.

- Người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo; người dân sinh sống trên địa bàn xã đặc biệt khó khăn
- Cơ sở giáo dục nghề nghiệp, tổ chức dịch vụ việc làm, doanh nghiệp, hợp tác xã trên địa bàn.
- Các tổ chức, cá nhân liên quan.

2. Phạm vi: Trên địa bàn huyện

3. Thời gian thực hiện Chương trình: Đến hết năm 2025.

Phần thứ hai

KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG GIAI ĐOẠN 2016-2020

I. KHÁI QUÁT CHUNG

1. Điều kiện tự nhiên: Tam Đường là huyện cửa ngõ phía Đông Bắc của tỉnh Lai Châu, phía Bắc giáp huyện Phong Thổ; phía Tây giáp huyện Sìn Hồ và Thành phố Lai Châu; phía Nam giáp huyện Sìn Hồ và huyện Tân Uyên; phía Đông giáp thị xã Sa Pa – Lào Cai. Toàn huyện có tổng diện tích tự nhiên 66.315,43 ha; Có 13 đơn vị hành chính (12 xã và 01 thị trấn); Dân số trên 5,7 vạn người, 12 dân tộc cùng chung sống (dân tộc Mông chiếm 36,41%; dân tộc Thái chiếm 15,17%, dân tộc Dao chiếm 9,37%, dân tộc Giáy chiếm 8,34%; dân tộc Lào chiếm 8,21%; dân tộc Lự chiếm 5,57%, dân tộc Hoa chiếm 0,78%, còn lại các dân tộc khác chiếm 0,41%); thu nhập bình quân đầu người năm 2021 là 34 triệu đồng/người/năm.

2. Điều kiện kinh tế - xã hội

Năm 2021, huyện Tam Đường có 14/15 chỉ tiêu phát triển kinh tế xã hội chính đạt và vượt kế hoạch: Thu nhập bình quân đầu người đạt 34/34 triệu đồng/năm, đạt 100% kế hoạch; Tổng diện tích gieo trồng cây lương thực 9.116 ha đạt 100% KH. Tổng sản lượng lương thực có hạt 41.100 tấn, đạt 100% KH. Trồng mới 110,9 ha chè, đạt 110,9% so kế hoạch. Tốc độ tăng trưởng đàn gia súc đạt 6%/5,01/năm, đạt 119,7% kế hoạch; Tỷ lệ che phủ rừng 49,81% đạt 100,5% kế hoạch; Duy trì 8 xã đạt chuẩn NTM, bình quân đạt 17 tiêu chí/xã; Thu ngân sách trên địa bàn đạt 34,717 tỷ đồng, đạt 103% so với dự toán HĐND huyện giao; 100% đường từ trung tâm xã đến trung tâm bản được cứng hóa đảm bảo đi lại thuận lợi quanh năm, đạt 100% kế hoạch; 96% bản có nhà văn hóa; 95,2% cơ quan, đơn vị, trường học, 84,1% số khu dân cư, 87,5% số hộ gia đình đạt tiêu chuẩn văn hóa, đạt 100% kế hoạch; Chất lượng phổ cập giáo dục được giữ vững; cả năm 21 trường đạt chuẩn quốc gia, tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia đạt 53,8%, đạt 100% kế hoạch (Trong đó: MN 07/13 trường đạt 53,8%; TH 09/11 trường đạt 81,8%; THCS 04/13 trường đạt 30,8%; THPT: 01/02 đạt 50%); Đạt 5,4 bác sĩ/vạn dân, đạt 100% kế hoạch; Duy trì 100% xã đạt tiêu chí Quốc gia về y tế, đạt 100% kế hoạch; Tỷ lệ giảm sinh bình quân 0,5%/năm đạt 100% kế hoạch; 99,8% số hộ được sử dụng điện lưới quốc gia đạt 100% kế hoạch, 100% dân số nông thôn được sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh đạt 100% kế

hoạch, 75% dân số thị trấn được cấp sử dụng nước sạch đạt 100% kế hoạch; Tỷ lệ lao động qua đào tạo 54,46% đạt 100% kế hoạch; số lao động được tạo việc làm trong năm 1.558 người đạt 141% kế hoạch. Mức giảm tỷ lệ hộ nghèo đạt 3,43% đạt 107% kế hoạch; Tổng lượng chất thải rắn sinh hoạt đô thị phát sinh được thu gom 94%; Tỷ lệ xã được thu gom, xử lý rác thải sinh hoạt 83,3%, đạt 124,9% kế hoạch. Chính quyền cơ sở 61,5% xếp loại tốt, 38,5% xếp loại khá, đạt 100% kế hoạch.

Có 01 chỉ tiêu không đạt kế hoạch do ảnh hưởng bởi tình hình dịch bệnh: Tổng lượt khách du lịch trên 146.000, đạt 42,32% kế hoạch; doanh thu từ dịch vụ du lịch đạt 52,6 tỷ đồng, đạt 40,15% kế hoạch.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN

Việc thực hiện chuẩn nghèo mới áp dụng giai đoạn 2016 - 2020 dẫn đến tỷ lệ hộ nghèo tăng gấp 2,7 lần so với chuẩn nghèo cũ giai đoạn 2011-2015, nhiều xã có hộ nghèo chiếm trên 50% tổng số hộ (6/14 xã) nên khó khăn cho việc giảm tỷ lệ hộ nghèo. Trong quá trình thực hiện Chương trình giảm nghèo luôn nhận được sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo quyết liệt của UBND tỉnh, Huyện ủy, HĐND huyện đồng thời có sự phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan, ban, ngành, đoàn thể các cấp ưu tiên tập trung huy động các nguồn lực đầu tư cho mục tiêu giảm hộ nghèo góp phần nâng cao tính hiệu quả trong việc thực hiện nhiệm vụ Chương trình phát triển kinh tế - xã hội gắn với giảm nghèo bền vững. Các chương trình, dự án, chính sách của Nhà nước đối với hộ nghèo, người nghèo trong những năm qua được tổ chức thực hiện khá đồng bộ, kết quả đạt được đã tác động tích cực đến giảm tỷ lệ hộ nghèo và đời sống của nhân dân từng bước được cải thiện góp phần ổn định cuộc sống. Kết quả đạt được thông qua các chính sách giảm nghèo chung như hỗ trợ 10 mô hình khuyến nông, khuyến lâm, kinh phí 1.733,7 triệu đồng; chính sách hỗ trợ đào tạo nghề gắn với giải quyết việc làm đã dạy nghề trình độ sơ cấp và ngắn hạn cho 4.069 người, đạt 100,5% kế hoạch, góp phần nâng tỷ lệ lao động qua đào tạo từ 45,5% năm 2016 lên trên 50% năm 2020 đạt 100% kế hoạch; Giải quyết việc làm cho 5.037 lao động, bình quân mỗi năm giải quyết việc làm trên 1.000 lao động, đạt 100% kế hoạch; phối hợp với các công ty xuất khẩu lao động tuyên truyền, tuyển dụng 57 lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng (tại Ả rập xê út, Nhật Bản, Đài Loan); hỗ trợ giáo dục, đào tạo chính sách miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập cho học sinh, sinh viên, trợ cấp tiền ăn, hỗ trợ lương thực cho học sinh dân tộc thiểu số bán trú, hỗ trợ học bổng, hỗ trợ học sinh thuộc dân tộc rất ít người... cho 75.945 lượt con em hộ nghèo, con em người dân tộc thiểu số với tổng kinh phí miễn, giảm và trợ cấp 93.204 triệu đồng; chính sách hỗ trợ về y tế, chăm sóc sức khỏe cho người nghèo được quan tâm, 100% người nghèo, cận nghèo, người dân tộc thiểu số, người sống ở vùng khó khăn và đặc biệt khó khăn được cấp thẻ bảo hiểm y tế miễn phí, tổng số thẻ được cấp là 195.453 thẻ; trong đó có 206.493 lượt người khi đau ốm được khám, chữa bệnh, với tổng kinh phí hỗ trợ 42.148 triệu đồng chính sách hỗ trợ về nhà ở cho hộ nghèo đã thực hiện hỗ trợ 145 hộ nghèo, ngoài ra từ nguồn Quỹ "Ngày vì người nghèo" huyện đã

làm nhà đại đoàn kết cho 82 hộ nghèo, kinh phí 2.280 triệu đồng; chính sách hỗ trợ về tín dụng ưu đãi cho các nhóm đối tượng như hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, học sinh, sinh viên, hộ vay chương trình nước sạch vệ sinh môi trường, hộ vay nguồn vốn giải quyết việc làm, hộ vay vốn sản xuất kinh doanh vùng khó khăn với 16.407 lượt hộ với tổng doanh số cho vay 562.706 triệu đồng; kinh phí cho vay hỗ trợ lãi suất từ Ngân hàng chính sách xã hội 3.625 triệu đồng, hỗ trợ về tiền điện cho 18.046 lượt hộ nghèo và hộ chính sách xã hội với tổng kinh phí 11.921,22 triệu đồng. Các chính sách an sinh xã hội như hỗ trợ hộ nghèo ăn Tết, cứu đói giáp hạt...được thực hiện đầy đủ, kịp thời.

Thực hiện chính sách trợ giúp pháp lý đã thực hiện 297 buổi, với 13.036 lượt người nghèo và đồng bào dân tộc thiểu số tham gia, kịp thời phổ biến những quy định của pháp luật, chính sách của nhà nước, giải đáp, tư vấn về pháp luật về các lĩnh vực: đất đai, nhà ở, thừa kế, hộ khẩu, hộ tịch, hôn nhân gia đình.

Lồng ghép thực hiện Chương trình 135 thuộc nguồn vốn Chương trình Mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững như thực hiện hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng với tổng số công trình đầu tư là 63 công trình (34 công trình giao thông nông thôn; 11 công trình thủy lợi; 04 công trình lớp học; 12 công trình nước sinh hoạt; 02 công trình khác) tổng số kinh phí 57.326 triệu đồng; thực hiện dự án hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế gần 2.500 hộ nghèo, kinh phí 13.263 triệu đồng và thực 10 mô hình nhân rộng giảm nghèo, kinh phí thực hiện 6.058,5 triệu đồng; thực hiện nội dung duy tu bảo dưỡng các công trình hạ tầng 72 công trình, kinh phí thực hiện là 2.886,9 triệu đồng.

Thông qua thực hiện các dự án, chính sách giảm nghèo lồng ghép các chương trình phát triển kinh tế xã hội, tỷ lệ giảm nghèo từ 40,72% đầu kỳ xuống còn 16,02% (Bình quân giảm tỷ lệ hộ nghèo là 4,94%/năm) đạt 164% kế hoạch.

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Ưu điểm

Công tác giảm nghèo đã trở thành nhiệm vụ, chỉ tiêu ưu tiên trong quá trình lãnh đạo, chỉ đạo, thực hiện của cấp uỷ, chính quyền, MTTQ và tổ chức đoàn thể các cấp. Các giải pháp giảm nghèo đã đi vào cuộc sống và góp phần tích cực nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân, đặc biệt là các đối tượng thuộc hộ nghèo.

Người nghèo đã được tiếp cận tốt hơn các chính sách và nguồn lực hỗ trợ của Nhà nước, cộng đồng trong phát triển kinh tế, tạo việc làm và tăng thu nhập; các nhu cầu xã hội cơ bản được cải thiện và đáp ứng (*y tế, giáo dục, nhà ở, nước sinh hoạt, thông tin...*). Đa phần các hộ nghèo đã nhận thức rõ hơn trách nhiệm của chính bản thân mình và chủ động trong việc tiếp nhận các chính sách và nguồn lực hỗ trợ của Nhà nước, của cộng đồng để tự vươn lên thoát nghèo.

Các chương trình giảm nghèo và các chính sách an sinh xã hội được thực hiện đảm bảo đầy đủ, kịp thời, đúng đối tượng. Công tác xã hội hóa việc tham gia

công tác giảm nghèo được quan tâm thực hiện tạo điều kiện giảm tỷ lệ hộ nghèo. Cơ sở hạ tầng phục vụ sản xuất, đời sống dân sinh được quan tâm đầu tư.

2. Tồn tại, hạn chế

- Có nơi còn tình trạng chưa chủ động trong nghiên cứu, ban hành giải pháp và biện pháp tổ chức thực hiện công tác giảm nghèo. Kết quả giảm nghèo chưa bền vững, đa số hộ thoát nghèo chuyển sang cận nghèo, tỷ lệ nghèo phát sinh mới vẫn còn cao. Chất lượng cuộc sống của nhóm hộ mới thoát nghèo và hộ cận nghèo còn ở mức thấp nguy cơ tái nghèo cao.

- Việc huy động nguồn lực, lồng ghép và sử dụng các nguồn vốn cho công tác giảm nghèo hiệu quả chưa cao.

3. Nguyên nhân tồn tại, hạn chế

- Công tác lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy, chính quyền một số nơi về công tác giảm nghèo còn có lúc chưa thường xuyên, liên tục.

- Các chính sách đã chuyển dần sang “hỗ trợ để thúc đẩy” nên một số hộ nghèo còn tâm lý ỷ lại vào sự hỗ trợ hoàn toàn của Nhà nước nên còn chưa chủ động, tích cực trong việc thực hiện các chương trình giảm nghèo. Ngoài ra, các chế độ chính sách giảm nghèo mới chỉ tập trung thực hiện cho hộ nghèo theo tiêu chí thu nhập còn hộ nghèo theo tiêu chí thiếu hụt tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản chưa được thực hiện.

- Nguồn lực đầu tư cho chương trình giảm nghèo còn hạn chế, chủ yếu là nguồn vốn ngân sách Trung ương, vốn lồng ghép. Cơ chế chính sách hỗ trợ cho hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo để đảm bảo thực hiện giảm nghèo bền vững còn chưa nhiều.

Phần thứ ba

KẾ HOẠCH THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG GIAI ĐOẠN 2021 - 2025

I. THUẬN LỢI, KHÓ KHĂN TRONG QUÁ TRÌNH TRIỂN KHAI

1. Thuận lợi

- Công tác chỉ đạo, điều hành triển khai thực hiện các mục tiêu chương trình giảm nghèo từ cấp huyện đến cơ sở đã đi vào nề nếp.

- Một số chính sách an sinh xã hội cho hộ nghèo vẫn được duy trì, định hướng thực hiện chính sách hỗ trợ có điều kiện, giảm hỗ trợ cho không, bảo đảm được mức sống tối thiểu và tiếp cận được các dịch vụ xã hội cơ bản theo chuẩn nghèo đa chiều quốc gia cho hộ nghèo gồm y tế, giáo dục, nhà ở, nước sinh hoạt và vệ sinh, tiếp cận thông tin và việc làm; khơi dậy ý chí chủ động vươn lên thoát nghèo, hạn chế bất bình đẳng xã hội.

2. Khó khăn

- Người nghèo, hộ nghèo tập trung ở khu vực nông thôn, vùng dân tộc thiểu số có trình độ học vấn thấp, thiếu tư liệu sản xuất, chủ yếu là lao động phổ thông, làm thuê thu nhập không ổn định. Nguy cơ tái nghèo gia tăng khi xảy ra thiên tai, dịch bệnh...

- Một bộ phận hộ nghèo có tư tưởng trông chờ ỷ lại sự hỗ trợ của Nhà nước, của cộng đồng nên bản thân không tự vươn lên thoát nghèo.

- Số hộ nghèo được thực hiện theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2022-2025 tăng 2,5 lần so với chuẩn nghèo 2016-2020 sẽ khó khăn cho việc thực hiện chỉ tiêu giảm nghèo, việc bố trí nguồn lực và tổ chức thực hiện tại cơ sở.

II. MỤC TIÊU CỦA CHƯƠNG TRÌNH

1. Mục tiêu tổng quát: Nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho người nghèo, thực hiện mục tiêu giảm nghèo đa chiều. Tập trung các nguồn lực, giải pháp hỗ trợ hộ nghèo vượt lên mức sống tối thiểu, tiếp cận được các dịch vụ xã hội cơ bản gồm: Y tế, giáo dục, nhà ở, nước sinh hoạt và vệ sinh, tiếp cận thông tin và việc làm; giảm thiểu tối đa hộ tái nghèo và phát sinh mới; thu hẹp khoảng cách giữa hộ giàu và hộ nghèo, giữa khu vực thành thị và nông thôn, góp phần thực hiện mục tiêu giảm nghèo, đảm bảo hài hòa giữa phát triển kinh tế và an sinh xã hội bền vững, hoàn thành mục tiêu phát triển kinh tế xã hội của huyện giai đoạn 2021-2025.

2. Mục tiêu cụ thể

- Phân đầu giảm tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn đa chiều bình quân trên 5%/năm.

- 100% xã thoát khỏi tình trạng xã đặc biệt khó khăn.

- 50% bản đặc biệt khó khăn thoát khỏi tình trạng bản đặc biệt khó khăn.

3. Các kết quả và chỉ tiêu chủ yếu cần đạt được đến năm 2025

a) Các kết quả và chỉ tiêu chủ yếu của Chương trình

- Phân đầu giảm 2/3 số hộ nghèo và hộ cận nghèo so với đầu kỳ theo chuẩn nghèo đa chiều.

- Đào tạo nghề cho trên 5.000 lao động, trong đó có 3.960 lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo.

- Giải quyết việc làm cho trên 5.500 lao động, trong đó có 3.480 lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo.

- Đảm bảo 100% hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo có đủ điều kiện, có nhu cầu vay vốn phát triển sản xuất kinh doanh được tiếp cận với nguồn vốn vay.

- Trên 95% mô hình, dự án giảm nghèo phát triển sản xuất đảm bảo tạo sinh kế, việc làm, thu nhập cho hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, người dân sinh sống trên địa bàn vùng khó khăn.

- 100% cán bộ làm công tác giảm nghèo được bồi dưỡng, tập huấn kiến thức, kỹ năng cơ bản về quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình, chính sách, dự án giảm nghèo; lập kế hoạch có sự tham gia, xây dựng kế hoạch phát triển cộng đồng và nghiệp vụ giảm nghèo.

b) Các chỉ tiêu giải quyết mức độ thiếu hụt các dịch vụ xã hội cơ bản

- Chiều thiếu hụt về việc làm: 100% người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo có nhu cầu được hỗ trợ kết nối, tư vấn, định hướng nghề nghiệp, cung cấp thông tin thị trường lao động, hỗ trợ tìm việc làm; hỗ trợ cho khoảng 79 lao động tại xã đặc biệt khó khăn đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng.

- Chiều thiếu hụt về y tế: 100% người thuộc hộ gia đình nghèo, hộ cận nghèo, người dân tộc thiểu số đang sinh sống tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, người sống tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn được cấp thẻ BHYT theo quy định. Giảm tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng thể nhẹ cân còn 14,98%; thể thấp còi còn dưới 21,3%.

- Chiều thiếu hụt về giáo dục, đào tạo: Tỷ lệ học sinh đến trường mẫu giáo trên 98%; trẻ em trong độ tuổi tiểu học đạt trên 98%; trung học cơ sở trên 95%.

- Phân đầu tỷ lệ người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo qua đào tạo đạt 60%, trong đó có bằng cấp chứng chỉ đạt 20%.

- Chiều thiếu hụt về nhà ở: Phần đầu 50% hộ nghèo còn khó khăn về nhà ở được hỗ trợ từ các chương trình như làm nhà đại đoàn kết từ nguồn Quỹ Vì người nghèo các cấp, nguồn vốn lồng ghép, sự ủng hộ của tổ chức, cá nhân, cộng đồng... đảm bảo có nhà ở ổn định.

- Chiều thiếu hụt về nước sinh hoạt và vệ sinh: 90% dân số thị trấn được sử dụng nước sạch qua hệ thống cung cấp nước tập trung; 100% dân số nông thôn được sử dụng nước hợp vệ sinh; khoảng 65% hộ nghèo, hộ cận nghèo sử dụng nhà tiêu hợp vệ sinh.

- Chiều thiếu hụt về thông tin: 85% hộ nghèo, hộ cận nghèo có nhu cầu được tiếp cận sử dụng các dịch vụ viễn thông, internet; 90% các hộ nghèo, cận nghèo được tiếp cận thông tin về giảm nghèo bền vững thông qua các hình thức xuất bản phẩm, sản phẩm truyền thông.

III. NỘI DUNG, NHIỆM VỤ, ĐỀ XUẤT KINH PHÍ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

1. Dự án 2: Đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo

- Mục tiêu: Hỗ trợ đa dạng hóa sinh kế, dự án phát triển sản xuất, các mô hình giảm nghèo nhằm tạo việc làm, nâng cao thu nhập cho người dân góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế, cơ cấu lao động thực hiện mục tiêu giảm nghèo bền vững.

- Đối tượng: Người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, người khuyết tật (không có sinh kế ổn định), người dân sinh sống ở vùng

khó khăn; ưu tiên hỗ trợ người nghèo DTTS, hộ có thành viên là người có công với cách mạng và phụ nữ nghèo;

- Nội dung thực hiện: Hỗ trợ máy móc, giống cây trồng, vật nuôi cho phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp và các mô hình giảm nghèo như phát triển chăn nuôi đàn gia súc, trồng cây hàng năm, có hiệu quả kinh tế và được nhân rộng trong cộng đồng.

Vốn và nguồn vốn: Tổng nhu cầu vốn thực hiện: 4.000 triệu đồng (vốn sự nghiệp: 4.000 triệu đồng), trong đó:

+ Ngân sách trung ương: 2.800 triệu đồng

+ Vốn huy động hợp pháp khác: 1.200 triệu đồng (huy động trong nhân dân).

(Có Phụ lục số 3 kèm theo)

2. Dự án 3: Hỗ trợ phát triển sản xuất, cải thiện dinh dưỡng

a) Tiểu dự án 1: Hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp

- Mục tiêu: Hỗ trợ phát triển sản xuất để đảm bảo an ninh lương thực, đáp ứng nhu cầu dinh dưỡng cho người dân vùng khó khăn. Hỗ trợ phát triển sản xuất nông nghiệp (nông, lâm, ngư nghiệp) cho người nghèo theo hướng sản xuất hàng hóa, gắn sản xuất với chế biến, tiêu thụ, nâng cao chất lượng, đảm bảo an toàn thực phẩm, tăng thu nhập góp phần giảm nghèo bền vững.

- Đối tượng thụ hưởng: Hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, người khuyết tật (không có sinh kế ổn định) người dân sinh sống ở vùng khó khăn. Ưu tiên hỗ trợ người nghèo DTTS, hộ có thành viên là người có công với cách mạng và phụ nữ thuộc hộ nghèo.

- Nội dung thực hiện: Hỗ trợ kỹ thuật sản xuất nông, lâm nghiệp: Tập huấn, chuyên gia kỹ thuật; giống cây trồng, vật nuôi; thiết bị, dụng cụ sản xuất; phân bón, thức ăn chăn nuôi, thuốc bảo vệ thực vật và thú y.

- Vốn và nguồn vốn: Tổng nhu cầu vốn thực hiện 6.180 triệu đồng, trong đó:

+ Ngân sách trung ương: 6.000 triệu đồng;

+ Ngân sách địa phương: 180 triệu đồng.

(Có Phụ lục số 4.1 kèm theo)

b) Tiểu dự án 2: Cải thiện dinh dưỡng

- Mục tiêu: Cải thiện tình trạng dinh dưỡng và giảm suy dinh dưỡng thấp còi, chăm sóc sức khỏe, nâng cao thể trạng và tầm vóc của trẻ em 0-16 tuổi thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, trẻ em vùng đặc biệt khó khăn.

- Đối tượng thụ hưởng: Trẻ em, phụ nữ mang thai và cho con bú thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo.

- Nội dung thực hiện:

+ Tăng cường việc tiếp cận với can thiệp trực tiếp phòng chống, suy dinh dưỡng, thiếu vi chất dinh dưỡng cho bà mẹ, trẻ em dưới 5 tuổi thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ gia đình thuộc vùng đặc biệt khó khăn.

+ Tăng cường hoạt động cải thiện chất lượng bữa ăn học đường và giáo dục chăm sóc dinh dưỡng, can thiệp phòng chống thiếu vi chất dinh dưỡng, bảo vệ chăm sóc dinh dưỡng cho trẻ học đường 5 – 16 tuổi.

+ Tăng cường công tác thông tin, truyền thông và tư vấn cho phụ nữ có thai, bà mẹ nuôi con nhỏ, người chăm sóc trẻ về lợi ích của việc chăm sóc dinh dưỡng cho phụ nữ và trẻ em 0-16 tuổi.

+ Nâng cao năng lực cho cán bộ y tế tuyến cơ sở, nhân viên y tế thôn bản và cán bộ bảo vệ chăm sóc trẻ em cấp xã; tăng cường nguồn lực và vai trò phối hợp liên ngành về cải thiện chăm sóc dinh dưỡng phụ nữ, trẻ em 0 – 16 tuổi.

- Vốn và nguồn vốn: Tổng nhu cầu vốn thực hiện: 4.476,7 triệu đồng, trong đó:

+ Ngân sách trung ương: 4.342,4 triệu đồng;

+ Ngân sách địa phương: 134,3 triệu đồng.

(Có Phụ lục số 4.2 kèm theo)

3. Dự án 4: Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững

a) Tiểu dự án 1: Phát triển giáo dục nghề nghiệp vùng khó khăn

- Mục tiêu: phát triển đồng bộ giáo dục nghề nghiệp về quy mô và chất lượng đào tạo, hỗ trợ người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, người có thu nhập thấp nâng cao kỹ năng nghề nghiệp, gắn kết GDNN với việc làm bền vững, tạo việc làm tăng thu nhập cho người nghèo.

- Đối tượng: Người học nghề, lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo và mới thoát nghèo, người có thu nhập thấp; cơ sở GDNN trên địa bàn.

- Nội dung:

+ Hỗ trợ đầu tư về cơ sở vật chất, thiết bị, phương tiện đào tạo cho cơ sở giáo dục nghề nghiệp.

+ Xây dựng các chuẩn, phát triển chương trình, học liệu; phát triển nhà giáo và cán bộ quản lý phù hợp với đối tượng, trình độ phát triển kinh tế - xã hội địa phương.

+ Khảo sát, thống kê, dự báo nhu cầu học nghề; truyền thông, hướng nghiệp, hỗ trợ khởi nghiệp và tạo việc làm.

+ Phát triển mô hình gắn kết giáo dục nghề nghiệp với doanh nghiệp.

+ Đào tạo nghề cho người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, người lao động có thu nhập thấp.

- Vốn và nguồn vốn: Tổng nhu cầu vốn thực hiện: 16.876 triệu đồng, trong đó:

+ Ngân sách trung ương: 16.876 triệu đồng (Vốn đầu tư 3.700 triệu đồng; Vốn sự nghiệp: 13.176 triệu đồng).

(Có Phụ lục số 5.1a và 5.1b kèm theo)

b) Tiểu dự án 2: Hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng

- Mục tiêu: Hỗ trợ hoạt động đào tạo nâng cao trình độ ngoại ngữ, kỹ năng nghề cho người lao động trước khi đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng, góp phần tạo việc làm, nâng cao thu nhập và giảm nghèo bền vững, nhất là người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo.

- Đối tượng:

+ Người lao động có nhu cầu đi làm việc ở nước ngoài, ưu tiên người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo.

+ Cơ sở đào tạo, doanh nghiệp, tổ chức sự nghiệp đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng; các tổ chức, cá nhân tư vấn cho người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng;

+ Người lao động tham gia các khóa đào tạo nâng cao trình độ ngoại ngữ để đi làm việc ở nước ngoài theo các hiệp định ký giữa Chính phủ Việt Nam và Chính phủ nước tiếp nhận.

- Nội dung hỗ trợ:

+ Hỗ trợ tuyên truyền, tư vấn, hướng nghiệp;

+ Hỗ trợ hoạt động đào tạo nâng cao trình độ ngoại ngữ, kỹ năng nghề cho người lao động;

+ Hỗ trợ cho vay đối với người lao động đi làm việc ở nước ngoài.

- Vốn và nguồn vốn: Tổng nhu cầu vốn thực hiện: 7.740 triệu đồng, trong đó:

+ Ngân sách trung ương: 4.960 triệu đồng.

+ Ngân sách địa phương 2.780 triệu đồng.

(Có Phụ lục số 5.2 kèm theo)

c) Tiểu dự án 3: Hỗ trợ việc làm bền vững

- Mục tiêu: Cung cấp thông tin thị trường lao động, đa dạng hóa các hoạt động giao dịch việc làm, kết nối cung cầu lao động, hỗ trợ tạo việc làm bền vững cho người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo; người lao động vùng khó khăn.

- Đối tượng:

+ Người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, vùng khó khăn.

+ Các trung tâm dịch vụ việc làm, doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm vùng khó khăn.

- Nội dung hỗ trợ:

- + Hỗ trợ giao dịch việc làm, kết nối cung - cầu lao động;
- + Quản lý lao động gắn với cơ sở dữ liệu về dân cư;
- + Thu thập, phân tích, dự báo thị trường lao động;
- + Hỗ trợ kết nối việc làm.
- Vốn và nguồn vốn: Tổng nhu cầu vốn thực hiện: 3.960 triệu đồng, trong đó:
 - + Ngân sách trung ương: 2.505 triệu đồng.
 - + Ngân sách địa phương: 1.455 triệu đồng.

(Có Phụ lục số 5.3 kèm theo)

4. Dự án 6: Truyền thông và giảm nghèo về thông tin

a) Tiểu dự án 1: Giảm nghèo về thông tin

- Mục tiêu: Hỗ trợ hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ dân vùng khó khăn có nhu cầu sử dụng dịch vụ viễn thông, tiếp cận thông tin, giảm nghèo về thông tin; Tăng cường thông tin, tuyên truyền phục vụ nhiệm vụ chính trị, thông tin thiết yếu cho xã hội cho người dân vùng khó.

- Đối tượng thụ hưởng: hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ dân vùng khó khăn; địa bàn vùng khó khăn.

- Nội dung thực hiện:

- + Nâng cao năng lực cho cán bộ thôn tin và truyền thông;
- + Hỗ trợ hộ gia đình nghèo, cận nghèo tiếp cận thông tin;
- + Hỗ trợ dịch vụ thông tin công cộng: các sản phẩm báo trí, các sản phẩm truyền thông tuyên truyền cho các nhóm đối tượng (người nghèo, DTTS, yếu thế xã hội...)
- + Tăng cường vật chất cho hoạt động thông tin cơ sở: Xây dựng Trạm truyền thanh cơ sở theo công nghệ 4.0

- Vốn và nguồn vốn: Tổng nhu cầu vốn thực hiện: 23.428 triệu đồng, trong đó:

- + Ngân sách trung ương: 21.268 triệu đồng;
- + Ngân sách địa phương: 2.160 triệu đồng.

(Có Phụ lục số 7.1 kèm theo)

b) Tiểu dự án 2: Truyền thông về giảm nghèo đa chiều

- Mục tiêu: Tăng cường truyền thông, nâng cao nhận thức, trách nhiệm của toàn xã hội về công tác giảm nghèo nhằm khơi dậy tinh thần tự lực, tự cường vươn lên thoát nghèo của người dân và cộng đồng; huy động các nguồn lực và tuyên truyền các gương điển hình để nhân rộng và lan tỏa trong xã hội.

- Đối tượng thụ hưởng: Người nghèo, người dân tại các địa bàn thực hiện Chương trình.

- Nội dung thực hiện:

+ Tuyên truyền, giáo dục, nâng cao nhận thức và trách nhiệm các cấp, các ngành và toàn xã hội về công tác giảm nghèo;

+ Tuyên truyền lưu động lồng ghép chương trình, sự kiện, chuyên trang, chuyên mục, phóng sự, ấn phẩm truyền thông về giảm nghèo bền vững; giới thiệu các cá nhân, tập thể, mô hình, kinh nghiệm hay trong giảm nghèo bền vững;

+ Xây dựng, tổ chức thực hiện các chương trình thông tin và truyền thông định hướng cho người dân tham gia, thụ hưởng Chương trình; tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản về việc làm, giáo dục nghề nghiệp, đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng, y tế, giáo dục, nhà ở, nước sạch và vệ sinh, thông tin, trợ giúp pháp lý, trợ giúp xã hội và bình đẳng giới;

+ Tổ chức thực hiện phong trào thi đua “Cả nước chung tay vì người nghèo - Không để ai bị bỏ lại phía sau”, biểu dương, khen thưởng hộ nghèo và tổ chức, cá nhân có thành tích xuất sắc trong lĩnh vực giảm nghèo;

+ Phát triển hoạt động trang thông tin điện tử về giảm nghèo.

- Vốn và nguồn vốn: Tổng nhu cầu vốn thực hiện: 1.600 triệu đồng, trong đó:

+ Ngân sách trung ương: 1.600 triệu đồng (Vốn sự nghiệp).

(Có Phụ lục số 7.2 kèm theo)

5. Dự án 7: Nâng cao năng lực và giám sát đánh giá Chương trình

a) Tiểu dự án 1: Nâng cao năng lực thực hiện Chương trình

- Mục tiêu: Nâng cao năng lực, tập huấn, bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng, nghiệp vụ cho những người làm công tác giảm nghèo; đảm bảo đội ngũ đủ năng lực thực hiện Chương trình đúng mục tiêu, đối tượng và hiệu quả.

- Đối tượng: Công chức cấp huyện, xã phụ trách công tác giảm nghèo; cấp cơ sở (cán bộ thôn, bản, đại diện cộng đồng, cộng tác viên giảm nghèo, cán bộ Hội, đoàn thể, người có uy tín...)

- Nội dung thực hiện:

+ Xây dựng tài liệu tập huấn, bồi dưỡng kỹ năng, nghiệp vụ giảm nghèo đa chiều...

+ Đào tạo bồi dưỡng cán bộ làm công tác giảm nghèo: Đề xuất, lập kế hoạch tham gia tổ chức thực hiện các dự án xây dựng, phát triển hạ tầng, năng lực làm chủ đầu tư, đa dạng hóa sinh kế, phát triển sản xuất, nhân rộng mô hình giảm nghèo, truyền thông giảm nghèo, cải thiện dinh dưỡng, công tác xã hội cho các nhóm yếu thế xã hội, bình đẳng giới, trợ giúp pháp lý...

- Vốn và nguồn vốn: Tổng nhu cầu vốn thực hiện: 520 triệu đồng;

+ Ngân sách trung ương: 520 triệu đồng.

(Có Phụ lục số 8 kèm theo)

b) Tiểu dự án 2: Giám sát, đánh giá

- Mục tiêu: Tăng cường nâng cao hiệu quả thực hiện công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá thực hiện mục tiêu Chương trình giảm nghèo từ cấp huyện, xã, bản; thông qua giám sát, đánh giá được kết quả thực hiện, giải quyết khó khăn, vướng mắc đảm bảo việc thực hiện Chương trình đúng mục tiêu, hiệu quả, đúng quy định của Pháp luật.

- Đối tượng: Các cơ quan, đơn vị chủ trì, quản lý, các tổ chức, cá nhân tham gia tổ chức thực hiện dự án, tiểu dự án, các hoạt động của Chương trình.

- Nội dung thực hiện: Xây dựng kế hoạch, biểu mẫu, hệ thống khung đánh giá các chỉ tiêu, kết quả thực hiện các chính sách, dự án giảm nghèo; Rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo hằng năm; tổ chức các hoạt động đánh giá định kỳ hoặc đột xuất; thực hiện chế độ thu thập thông tin, báo cáo giám sát, đánh giá các dự án, tiểu dự án hoạt động Chương trình.

- Vốn và nguồn vốn: Tổng nhu cầu vốn thực hiện: 800 triệu đồng, trong đó:

+ Ngân sách trung ương: 800 triệu đồng.

(Có Phụ lục số 8 kèm theo)

IV. GIẢI PHÁP

1. Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của các Cấp ủy Đảng, chính quyền về công tác thực hiện Chương trình giảm nghèo bền vững. Xác định mục tiêu giảm nghèo bền vững là nhiệm vụ hàng đầu và đưa vào Nghị quyết của cấp ủy Đảng, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các cấp. Huy động sức mạnh của cả hệ thống chính trị, các tổ chức xã hội, doanh nghiệp và nhân dân cùng tham gia vào chương trình giảm nghèo.

2. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến rộng rãi, quán triệt đầy đủ đến các ngành, các cấp và cộng đồng dân cư, nhất là người nghèo, hộ nghèo về quan điểm chỉ đạo và nội dung chương trình giảm nghèo của huyện thông qua các phương tiện thông tin đại chúng (báo, đài truyền thanh, truyền hình); tổ chức tuyên truyền chủ trương chính sách của Đảng, Nhà nước về giảm nghèo; thực hiện các chuyên mục thông tin tuyên truyền phổ biến các mô hình, các cách làm hay, sáng tạo, có hiệu quả về giảm nghèo và kết quả hoạt động của chương trình; giáo dục ý thức tự lực vươn lên, không ỷ lại cho hộ nghèo, người nghèo. Thông qua đó nâng cao trách nhiệm về công tác giảm nghèo cho toàn xã hội.

3. Triển khai đồng bộ, có hiệu quả các chính sách giảm nghèo; nâng cao khả năng tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản cho hộ nghèo theo tiêu chí nghèo đa chiều của Thủ tướng Chính phủ (*y tế, giáo dục, nhà ở, nước sinh hoạt, thông tin, việc làm*).

4. Tập trung huy động mọi nguồn lực phục vụ cho công tác giảm nghèo với phương châm Nhà nước hỗ trợ, Nhân dân thực hiện. Huy động từ các nguồn vốn hỗ trợ của các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp trên địa bàn.

5. Tổ chức tập huấn, bồi dưỡng nâng cao nhận thức, trình độ nghiệp vụ chuyên môn và năng lực tổ chức thực hiện chương trình giảm nghèo cho đội ngũ cán bộ công tác giảm nghèo ở các cấp, nhất là cấp xã để tham mưu cho cấp ủy, chính quyền các cấp tổ chức chỉ đạo thực hiện hoàn thành mục tiêu, nhiệm vụ giảm nghèo đã đề ra.

6. Tăng cường các hoạt động kiểm tra, giám sát, đánh giá Chương trình giảm nghèo thông qua hệ thống chỉ tiêu giám sát, đánh giá chương trình tại các cấp (huyện, xã, thị trấn) nhằm nắm được tiến độ kết quả thực hiện các chủ trương chính sách và giải pháp hỗ trợ người nghèo đồng thời thấy được mức độ phù hợp, tính hiệu quả của chương trình. Trên cơ sở đó rút kinh nghiệm thực tiễn tiếp tục bổ sung hoàn chỉnh các nội dung hoạt động của chương trình đảm bảo hiệu quả cao, mang tính toàn diện và bền vững.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các cơ quan thành viên BCD các CTMTQG huyện

Các cơ quan thành viên Ban chỉ đạo huyện căn cứ mục tiêu, nhiệm vụ theo Kế hoạch chủ động phối hợp với cơ sở trong công tác kiểm tra, đôn đốc, hướng dẫn đối với các xã được phân công phụ trách; quan tâm, ưu tiên bố trí lồng ghép các nguồn vốn do ngành mình quản lý để đầu tư, hỗ trợ xã phấn đấu đạt chỉ tiêu giảm nghèo hàng năm và giai đoạn.

2. Phòng Lao động – Thương binh và Xã hội

- Chủ trì phối hợp với các ban, ngành, đoàn thể liên quan hướng dẫn các xã, thị trấn xây dựng và thực hiện kế hoạch giảm nghèo giai đoạn và hàng năm; công tác rà soát hộ nghèo, cận nghèo hàng năm theo quy trình quy định.

- Chịu trách nhiệm thực hiện một số dự án: Đào tạo nghề cho lao động nông thôn và lao động nghèo, giới thiệu việc làm và xuất khẩu lao động, mô hình nhân rộng giảm nghèo, đào tạo nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ giảm nghèo các cấp; các hoạt động giám sát, đánh giá và quản lý Chương trình. Phối hợp với các ngành có liên quan thực hiện các chính sách hỗ trợ hộ nghèo về cấp thẻ bảo hiểm y tế, giáo dục, tín dụng và các chính sách an sinh xã hội.

- Chủ trì phối hợp với các ngành thành viên Ban chỉ đạo thực hiện công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá tình hình thực hiện các chính sách giảm nghèo, tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện công tác giảm nghèo định kỳ hàng năm và giai đoạn 5 năm 2021-2025.

3. Phòng Tài chính – Kế hoạch

- Tham mưu cho UBND huyện bố trí vốn cho các cơ quan, các xã, thị trấn triển khai thực hiện Chương trình giảm nghèo theo quy định về phân cấp quản lý ngân sách Nhà nước hiện hành; đề xuất nguồn lực cho chương trình giảm nghèo, lồng ghép với các chương trình phát triển kinh tế - xã hội khác của huyện.

- Hướng dẫn việc quản lý và sử dụng, thanh quyết toán nguồn kinh phí thực hiện các chương trình, dự án giảm nghèo theo quy định.

4. Phòng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn

- Chủ trì triển khai thực hiện chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp, thủy sản; mô hình phát triển sản xuất (Tiểu dự án 1 thuộc Dự án 3).

- Hướng dẫn, chỉ đạo lồng ghép Chương trình xây dựng nông thôn mới, với Chương trình giảm nghèo bền vững.

- Đánh giá hộ nghèo, hộ cận nghèo tiếp cận sử dụng nước sạch.

5. Trung tâm Y tế huyện

- Chủ trì triển khai thực hiện Tiểu dự án 2 thuộc Dự án 3

- Thực hiện tốt công tác khám, điều trị bệnh cho người nghèo; phối hợp với các hội, đoàn thể tổ chức các hoạt động khám chữa bệnh miễn phí cho người nghèo. Nâng cao chất lượng khám chữa bệnh tại Trạm y tế các xã, thị trấn.

- Đánh giá hộ nghèo, hộ cận nghèo tiếp cận lĩnh vực y tế, chăm sóc sức khỏe và sử dụng nhà tiêu hợp vệ sinh.

6. Phòng Văn hóa – Thông tin: Chủ trì triển khai thực hiện Dự án 6.

Đẩy mạnh thông tin tuyên truyền về cơ sở, ưu tiên hỗ trợ người nghèo, đồng bào dân tộc thiểu số tiếp cận văn hoá, thông tin; Lồng ghép các chương trình phát triển văn hoá với chương trình giảm nghèo, góp phần nâng cao mức sống về văn hóa của nhân dân nói chung. Đánh giá hộ nghèo, hộ cận nghèo tiếp cận các dịch vụ cung cấp thông tin, viễn thông.

7. Trung tâm Văn hóa, Thể thao và truyền thông

Phối hợp với Phòng Văn hóa – Thông tin triển khai thực hiện Tiểu dự án 2 Dự án 6. Tuyên truyền nâng cao nhận thức về tầm quan trọng, ý nghĩa của chương trình giảm nghèo bền vững trên các phương tiện truyền thông, Cổng thông tin điện tử huyện Tam Đường. Tuyên truyền các mô hình, các cách làm hay, sáng tạo, hiệu quả về giảm nghèo.

8. Phòng Giáo dục và Đào tạo: Phối hợp thực hiện một số nội dung thực hiện chính sách cho con em hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ dân tộc thiểu số nhằm nâng cao tỷ lệ trẻ em thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo đi học theo đúng độ tuổi, góp phần xóa tỷ lệ mù chữ. Đánh giá hộ nghèo, hộ cận nghèo tiếp cận lĩnh vực giáo dục - đào tạo.

9. Phòng Dân tộc: Phối hợp hướng dẫn, tổ chức thực hiện các chính sách hỗ trợ hộ nghèo đồng bào dân tộc thiểu số theo chức năng, nhiệm vụ của ngành. Phối hợp với các Ban, ngành thực hiện chính sách liên quan đến vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

10. Phòng Giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện

- Chủ trì phối hợp với các cơ quan, ban, ngành liên quan và Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn thực hiện chính sách tín dụng ưu đãi đối với hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ đồng bào dân tộc thiểu số ở xã, bản đặc biệt khó khăn, học sinh - sinh viên có hoàn cảnh khó khăn; quản lý vốn và thực hiện cho vay đúng quy định, đúng đối tượng.

- Chủ trì, phối hợp với phòng Lao động - Thương binh và Xã hội tổ chức quản lý, điều hành tốt Quỹ Quốc gia về giải quyết việc làm.

11. Đề nghị Ủy ban MTTQVN và các tổ chức chính trị xã hội huyện

Chỉ đạo Ủy ban MTTQVN và các tổ chức chính trị cấp xã tổ chức tốt công tác tuyên truyền, vận động hội viên, đoàn viên và toàn dân hưởng ứng, tham gia các cuộc vận động, các phong trào hỗ trợ giảm nghèo như “Ngày vì người nghèo”; “Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh”; “Cả nước chung tay vì người nghèo, không ai bị bỏ lại phía sau”, thực hiện Chương trình xây dựng nông thôn mới, động viên khích lệ tính chủ động, tinh thần tự lực tự cường của người dân vươn lên thoát nghèo.

12. UBND các xã, thị trấn

- Xây dựng kế hoạch thực hiện Chương trình MTQG giảm nghèo giai đoạn và hàng năm bảo đảm sát với tình hình kinh tế - xã hội của địa phương.

- Phối hợp chặt chẽ với các cơ quan, ban, ngành huyện trong việc triển khai, hướng dẫn, kiểm tra thực hiện các chính sách giảm nghèo; thực hiện đồng bộ các giải pháp giảm nghèo cụ thể đến từng bản, từng hộ, tập trung các nguồn lực hỗ trợ các bản có tỷ lệ hộ nghèo cao. Vận động Nhân dân giúp đỡ nhau trong phát triển kinh tế để giảm nghèo bền vững; quản lý, sử dụng có hiệu quả, đúng đối tượng và mục đích các nguồn lực phục vụ giảm nghèo.

- Củng cố, kiện toàn nâng cao hiệu quả hoạt động của Ban chỉ đạo giảm nghèo các xã, thị trấn; Phân công rõ trách nhiệm của từng thành viên trong Ban chỉ đạo để tổ chức thực hiện các chính sách giảm nghèo, phụ trách từng bản, hộ nghèo.

- Điều tra, rà soát, thống kê đánh giá kết quả giảm nghèo hàng năm bảo đảm theo đúng quy trình, quy định; kết quả giảm nghèo phản ánh khách quan, chính xác, đúng thực trạng mức sống của hộ dân, không chạy theo thành tích ảnh hưởng đến chất lượng giảm nghèo bền vững. Quản lý chặt chẽ di, biến động hộ nghèo, cận nghèo; thực hiện tốt chế độ báo cáo định kỳ và đột xuất theo quy định.

13. Chế độ báo cáo

- Các ngành, các xã, thị trấn chấp hành nghiêm chế độ báo cáo định kỳ kết quả thực hiện các hoạt động của chương trình theo định kỳ quý, 06 tháng, năm và các báo cáo đột xuất khi có yêu cầu về UBND huyện (Qua phòng Lao động - Thương binh và Xã hội) để tổng hợp.

- Thời gian gửi báo cáo:

- + Báo cáo quý: trước ngày 25 của tháng cuối quý.
- + Báo cáo 6 tháng: trước ngày 20 của tháng cuối quý 2.
- + Báo cáo năm: trước ngày 15 của tháng cuối năm.
- + Báo cáo 5 năm: trước tháng 11 năm 2025.

Trên đây là Kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 của UBND huyện Tam Đường, yêu cầu các cơ quan, ban, ngành có liên quan và UBND các xã, thị trấn nghiêm túc tổ chức triển khai thực hiện ./.

Nơi nhận:

- Sở Lao động -TB&XH (B/c);
- TT. Huyện ủy (B/c);
- TT. HĐND huyện (B/c);
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND huyện;
- Các cơ quan, ban, ngành, đoàn thể liên quan;
- UBND các xã, thị trấn;
- Lưu: VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Vũ Xuân Thịnh